

MỐI TƯƠNG QUAN GIỮA CÁC YẾU TỐ GÂY KHÓ KHĂN TRONG HỌC TẬP VÀ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA HỌC SINH, SINH VIÊN NĂM NHẤT: TRƯỜNG HỢP NGHIÊN CỨU TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG CỘNG ĐỒNG SÓC TRĂNG

Trịnh Anh Khoa¹

¹ Khoa Kinh tế, Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng

Thông tin chung:

Ngày nhận: 25/02/2014

Ngày chấp nhận: 27/06/2014

Title:

The correlation between disadvantaged learning elements and learning results of the first – year students: The case study in Soc Trang Community College

Từ khóa:

Yếu tố gây khó khăn, học sinh - sinh viên năm nhất, kết quả học tập

Keywords:

Disadvantaged learning elements, first – year students, learning results

ABSTRACT

This study aims to analyze the disadvantaged learning elements affecting the learning process of the first – year students at Soc Trang Community College. The data were collected from 219 first – year students after the school year 2012 – 2013. Some analytical methods such as: statistical analysis, Cronbach’s Alpha, Explored factor analysis (EFA) and Multiple linear regression were used to determine the scale and analyze the data. The results showed that there were four factors (grouped from 15 elements) made it difficult for the first – year students were: the teacher including 7 elements, the facilities with 4 elements, distant and living conditions with 2 elements; and the personal students with 2 elements. In particular, the facilities were the most affecting factor on the learning process of the first – year students, followed by the teacher, the personal students and the distant and living conditions.

TÓM TẮT

Nghiên cứu các yếu tố gây khó khăn trong học tập của học sinh, sinh viên (HSSV) năm nhất tại Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng được thực hiện nhằm tìm hiểu các yếu tố gây khó khăn trong học tập của HSSV năm nhất đang học tập tại Trường. Số liệu được thu thập từ 219 HSSV năm nhất sau năm học 2012 – 2013. Các phương pháp phân tích được sử dụng là thống kê mô tả, phân tích nhân tố khám phá (EFA), kiểm định Cronbach’s alpha và phân tích hồi quy tuyến tính bội. Kết quả phân tích cho thấy, có 4 nhân tố (được nhóm từ 15 yếu tố) gây khó khăn trong học tập của HSSV năm nhất là: nhân tố thuộc về cán bộ, giảng viên bao gồm 7 yếu tố; nhân tố cơ sở vật chất bao gồm 4 yếu tố; nhân tố khoảng cách, nơi ở bao gồm 2 yếu tố và nhân tố thuộc về bản thân HSSV bao gồm 2 yếu tố. Trong đó, nhân tố cơ sở vật chất là nhân tố gây khó khăn nhiều nhất trong học tập của HSSV năm nhất, kế đến là nhân tố thuộc về cán bộ, giảng viên; nhân tố thuộc về bản thân HSSV và nhân tố khoảng cách, nơi ở.

1 GIỚI THIỆU

Quy chế tạm thời số 37/2000/QĐ-BGD&ĐT của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT đã xác định nhiệm vụ của các trường cao đẳng cộng đồng (CĐCĐ) là “Đào tạo người lao động có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có ý thức phục vụ cộng đồng, có kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp... nâng cao trình độ

học vấn, chuyên môn, nghiệp vụ, có khả năng tìm hoặc tạo được việc làm, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh của địa phương”. Điều này cho thấy, vấn đề nâng cao chất lượng đào tạo tại các trường CĐCĐ và các trường đa ngành nghề được các cấp lãnh đạo rất quan tâm.

Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng được thành lập theo Quyết định số 2917/2006/QĐ-BGD&ĐT của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT với mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao nhằm đáp ứng cho nhu cầu về nhân lực có trình độ trong Tỉnh và khu vực Đồng bằng sông Cửu Long. Trong những năm qua, Ban Giám hiệu Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng đã có nhiều chương trình, giải pháp hỗ trợ học sinh, sinh viên (HSSV) trong học tập nhằm hướng tới mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo và đáp ứng nhu cầu của xã hội. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả khả quan đạt được như: số lượng HSSV có học lực từ loại khá trở lên ngày một tăng qua các năm, tỷ lệ HSSV tốt nghiệp có việc làm cao... thì vẫn còn một tỷ lệ không nhỏ HSSV có điểm trung bình học tập thấp, đặc biệt là những HSSV năm nhất. Vì vậy, việc tìm hiểu những khó khăn trong học tập của HSSV, đặc biệt là những HSSV năm nhất đang học tập tại Trường nhằm hỗ trợ HSSV khắc phục khó khăn, nâng cao kết quả học tập là rất cần thiết.

Nghiên cứu mối tương quan giữa các yếu tố gây khó khăn trong học tập và kết quả học tập của học sinh, sinh viên năm nhất tại Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng được thực hiện nhằm tìm hiểu những yếu tố gây khó khăn trong học tập mà học sinh, sinh viên năm thứ nhất gặp phải. Kết quả nghiên cứu sẽ là cơ sở khoa học hỗ trợ cho Ban Giám hiệu nhà trường và lãnh đạo các phòng, khoa có những biện pháp tích cực nhằm khắc phục khó khăn và hỗ trợ HSSV năm nhất nói riêng và HSSV của Trường nói chung nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu của xã hội.

2 MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu “mối tương quan giữa các yếu tố gây khó khăn trong học tập với kết quả học tập của học sinh, sinh viên năm nhất tại Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng” được thực hiện với những mục tiêu sau: (1) Tìm hiểu thực trạng kết quả học tập của học sinh, sinh viên năm thứ nhất tại Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng; (2) Xác định những yếu tố gây khó khăn trong học tập của HSSV năm thứ nhất tại Trường; (3) Đánh giá mức độ tác động của các yếu tố gây khó khăn trong học tập đến kết quả học tập của HSSV năm nhất tại Trường;

3 PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

3.1 Phương pháp thu thập số liệu

Số liệu sơ cấp được thu thập thông qua phiếu

khảo sát ý kiến của 240 HSSV năm nhất (khóa 6, năm học 2012 – 2013) thuộc tất cả các chuyên ngành trình độ cao đẳng và trung cấp chính quy theo phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên phân tầng. Sau khi loại bỏ một số phiếu không phù hợp, số mẫu còn lại là 219. Theo Bollen (1989) tỷ lệ mẫu trên biến quan sát phải đảm bảo tối thiểu là 5:1. Trong nghiên cứu này có 35 biến quan sát nên theo Bollen số mẫu phù hợp tối thiểu là 175 mẫu. Vậy, số mẫu 219 là phù hợp.

Số liệu thứ cấp được thu thập từ sách, báo, tạp chí,... Các số liệu thống kê được thu thập từ Phòng Đào tạo và Phòng Công tác Chính trị và Quản lý HSSV.

3.2 Phương pháp xử lý số liệu

Phương pháp thống kê mô tả được sử dụng nhằm làm rõ thực trạng hoạt động học tập của HSSV năm nhất. Kiểm định Cronbach's Alpha và phân tích nhân tố khám phá (EFA) được sử dụng nhằm kiểm định độ tin cậy của thang đo và nhóm các yếu tố được đưa vào bảng hỏi thành những nhóm nhân tố nhằm thu gọn mô hình hồi quy. Phương pháp hồi quy tuyến tính được sử dụng để đánh giá mối tương quan giữa các yếu tố gây khó khăn trong học tập với kết quả học tập của HSSV năm nhất.

Các phương pháp phân tích sẽ được thực hiện dưới sự hỗ trợ của phần SPSS 16.0

4 KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

4.1 Thực trạng kết quả học tập của HSSV năm nhất tại Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng

Kết quả học tập được sử dụng trong nghiên cứu được khảo sát thông qua sự tự đánh giá của HSSV trong quá trình học bởi vì hơn ai hết, HSSV là người biết rõ nhất năng lực học tập của mình đạt tới mức nào so với mục tiêu đề ra. HSSV là những người chứng kiến nhiều nhất; suy ngẫm, đối phó suốt trong quá trình đào tạo về các yếu tố, chất lượng các công việc, chất lượng các công đoạn,... (Nguyễn Đức Chính, 2008; Đỗ Văn Phúc và Đoàn Hải Anh, 2013) nên việc đánh giá kết quả học tập của HSSV năm nhất thông qua sự tự đánh giá của HSSV sẽ mang tính chính xác cao nhất. Đề lượng hóa được kết quả học tập theo sự tự đánh giá của HSSV năm nhất, nghiên cứu sử dụng thang đo Likert 5 mức độ với thang đo được phân chia như sau: 1- Xuất sắc, giỏi; 2- Khá; 3- Trung bình, khá; 4 – Trung bình và 5 - Yếu, kém.

Bảng 1: Kết quả học tập theo sự tự đánh giá của học sinh, sinh viên năm nhất

Kết quả học tập	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Xuất sắc, giỏi	4	1,83
Khá	24	10,96
TB – khá	78	35,62
Trung bình	104	47,49
Yếu, kém	9	4,10
Tổng	219	100

Nguồn: điều tra thực tế của tác giả năm 2013

Kết quả học tập theo sự tự đánh giá của HSSV khóa 6 cho thấy nhiều HSSV vẫn chưa hài lòng với kết quả học tập sau năm học đầu tiên. Tỷ lệ HSSV đạt kết quả từ khá trở lên chỉ đạt gần 12,8% tổng số mẫu. Cụ thể, tỷ lệ xuất sắc, giỏi chỉ chiếm 1,83% và tỷ lệ khá đạt 10,96%. Tỷ lệ HSSV đạt mức trung bình đến trung bình – khá chiếm tỷ lệ nhiều nhất với 83,11%. Điều đáng lưu ý là kết quả học tập đạt loại trung bình chiếm tỷ lệ cao nhất với 47,49% tổng số mẫu. Tỷ lệ yếu, kém khá thấp (4,10%), nhưng vẫn cao so với tỷ lệ xuất sắc, giỏi. Nhìn chung, kết quả học tập theo sự tự đánh giá của HSSV năm nhất cho thấy nhiều HSSV vẫn còn thấp so với mục tiêu về kiến thức mà mình đặt ra. Từ đó, có thể khẳng định rằng: HSSV năm nhất tại Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng đang gặp

khó khăn trong học tập.

4.2 Mối tương quan giữa các yếu tố gây khó khăn trong học tập và kết quả học tập của HSSV năm nhất

Trên cơ sở các nghiên cứu về các yếu tố tác động đến hoạt động học tập của HSSV nói chung, HSSV năm thứ nhất nói riêng (Anderson G. và ctv, 1994; Fiona Marais and Andile Mji, 2009; Nguyễn Thị Mai Trang và ctv, 2008 - chủ yếu được tham khảo từ bảng hỏi của Fraser và Killen, 2003; Trương Thị Ngọc Diệp và ctv, 2012 do có sự tương đồng về đối tượng nghiên cứu) và kinh nghiệm thực tế trong quá trình công tác tại Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng, tác giả đề xuất đưa vào mô hình 35 yếu tố được cho là có gây khó khăn trong học tập của HSSV năm nhất Các yếu tố này được chia thành 4 nhóm: các yếu tố thuộc về hoàn cảnh gia đình (4 yếu tố); các yếu tố thuộc về bản thân HSSV (13 yếu tố); các yếu tố thuộc về cán bộ, giảng viên (9 yếu tố) và các yếu tố thuộc về nhà trường (9 yếu tố). Đề lượng hóa các yếu tố này tác giả sử dụng thang đo Likert 5 mức độ được phân chia như sau: 1 - Rất không đồng ý (nghĩa là yếu tố được đưa vào mô hình hoàn toàn không gây khó khăn cho HSSV năm nhất trong học tập; 2 – Không đồng ý; 3 – Không có ý kiến; 4 - Đồng ý và 5 - Rất đồng ý.

Bảng 2: Các yếu tố gây khó khăn trong học tập của học sinh, sinh viên năm nhất

Yếu tố	Mã hóa trong mô hình
Chưa nắm bắt thông tin	thongtin
Chưa nắm bắt được qui chế của nhà Trường	quiche
Nơi ở chưa tốt	noio
Chưa biết rõ về ngành học	nganhhoc
Chưa chủ động trong học tập, trao đổi bài học	traodoi
Thiếu khả năng chịu áp lực	chiuapluc
Thiếu sự tự đánh giá trong quá trình học	tudanhgia
Hoàn cảnh gia đình khó khăn	hoancanh
Khoảng cách nhà xa	khoangcach
Chưa xác định rõ được nội dung của từng môn học	ndmonhoc
Học theo nhóm gặp nhiều khó khăn	hocnhom
Khả năng tự học còn yếu	tuhoc
Một số cán bộ phòng, trung tâm chưa hướng dẫn nhiệt tình, rõ ràng trong các vấn đề có liên quan	canbo
Không thích ngành mình đang theo học	kothichhoc
Chưa chủ động hoặc gặp khó khăn trong việc tham gia phong trào	Hdngoaihoa
Thiếu sự quan tâm, động viên của gia đình	quantamgd
Nội dung một số môn học không hấp dẫn, không mang tính ứng dụng cao	kohapdan
Một số GVCN chưa theo sát lớp học	gvcn
Một số giảng viên cung cấp ít bài tập làm thêm	gvbaitap
Một số giáo viên chưa chuẩn bị bài tốt khi lên lớp	Gvchuanbi
Một số giảng viên chưa giải thích rõ nội dung, ứng dụng của môn học	gvgiaithich
Một số giảng viên chưa nêu rõ cách đánh giá và định hướng phương pháp học	gvdanhgia

Yếu tố	Mã hóa trong mô hình
tập của môn học	
Một số giảng viên có phương pháp đánh giá chưa hợp lý	gvphuongphap
Một số giảng viên bộ môn chưa quan tâm giúp đỡ HSSV học tập ngoài giờ lên lớp	gvgiupdo
Một số giảng viên giảng dạy thiếu sinh động, không hấp dẫn	gvday
Thiết bị phục vụ giảng dạy và học tập còn thiếu	thietbithieu
Thông tin học tập, sinh hoạt cho HSSV chưa được cung cấp đầy đủ, kịp thời	thongtinHT
Nguồn tài liệu phục vụ học tập của thư viện còn thiếu	tailieu
Các hoạt động ngoại khóa, thực hành còn ít và sắp xếp thời gian chưa hợp lý	Hdit
Nguồn học bổng, thông tin chương trình hỗ trợ HSSV còn ít	hocbong
Chưa có mục tiêu nghề nghiệp rõ ràng	mtnghenghiep
Chưa có sự liên kết giữa lý thuyết môn học và thực tiễn	ltth
Lịch học chưa hợp lý (quá nhiều hoặc quá ít tiết học trong một tuần, lịch học quá gần ngày thi)	lichhoc
Nhà Trường còn thiếu các chương trình, thông tin tư vấn	huongnghiep
Thiết bị phục vụ giảng dạy và học tập chất lượng chưa tốt	chatluongtb

4.2.1 Kiểm định độ tin cậy của thang đo (Cronbach's Alpha)

Hệ số Cronbach's Alpha cho phép kiểm định mức độ chặt chẽ (khả năng giải thích một khái niệm) của các yếu tố được đưa vào mô hình (35 biến độc lập) trong thang đo (Hoàng Trọng và Chu

Nguyễn Mộng Ngọc, 2008). Trong một thang đo có chỉ số Cronbach's alpha cao chứng tỏ những đáp viên được hỏi sẽ hiểu cùng một khái niệm. Cũng theo Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008) thì Cronbach's Alpha từ 0,8 trở lên thì thang đo lường là tốt, từ 0,7 đến 0,8 là sử dụng được.

Bảng 3: Kết quả kiểm định thang đo thông qua hệ số Cronbach's Alpha

Yếu tố	Phương sai thang đo khi loại bỏ biến	Tương quan biến tổng	Cronbach's Alpha khi loại bỏ biến
thongtin	189.824	.316	.852
quiche	187.524	.302	.861
noio	189.924	.307	.853
nganhhoc	188.059	.353	.851
traodoi	188.778	.301	.856
chiuapluc	185.466	.466	.871
tudanhgia	186.656	.422	.849
hoancanh	191.229	.402	.844
khoangcach	192.743	.303	.857
ndmonhoc	185.480	.442	.848
hocnhom	188.445	.337	.821
tuhoc	196.229	.356	.857
canbo	190.033	.368	.883
kothichhoc	193.206	.438	.854
Hdngoaikhoa	192.413	.337	.855
quantamgd	191.123	.425	.857
kohapdan	186.037	.445	.848
gvcn	184.211	.521	.827
gvbaitap	189.775	.366	.833
Gvchuanbi	186.795	.443	.848
gvgiaithich	183.904	.511	.846
gvdanhgia	184.492	.525	.845
gvphuongphap	179.562	.651	.841
gvgiupdo	182.321	.569	.844
gvday	182.682	.567	.844
thietbithieu	186.472	.425	.849

Yếu tố	Phương sai thang đo khi loại bỏ biến	Tương quan biến tổng	Cronbach's Alpha khi loại bỏ biến
thongtinHT	183.233	.528	.845
tailieu	186.808	.481	.847
Hdit	186.012	.474	.847
hocbong	188.779	.400	.849
mtnghenghiệp	188.877	.438	.876
ltth	186.421	.324	.855
lichhoc	188.305	.423	.849
huongnghiep	188.437	.403	.849
chatluongtb	187.685	.425	.849
Cronbach's Alpha		0,854	

Nguồn: kết quả phân tích số liệu điều tra thực tế năm 2013 bằng SPSS

Kết quả kiểm định Cronbach's Alpha cho thấy thang đo các yếu tố được đưa vào mô hình là phù hợp. Hệ số Cronbach's Alpha đạt 0,854 > 0,8 nên thang đo được đánh giá là tốt. Các yếu tố được đưa vào mô hình có mối tương quan cao, tất cả các yếu tố đều có hệ số tương quan biến - tổng lớn hơn 0,3 (Nunnally và Burnstein, 1994 – trích trong nghiên cứu của Nguyễn Quốc Nghi và Lê Thị Diệu Hiền, 2011). Như vậy, thang đo và các biến được đưa vào mô hình là phù hợp.

4.2.2 Phân tích nhân tố khám phá (EFA)

Phân tích nhân tố khám phá (EFA) được thực hiện nhằm nhóm các yếu tố có mối quan hệ tuyến tính với nhau thành những nhóm nhân tố có ý

nghĩa hơn nhằm thu gọn mô hình hồi quy và loại bỏ những biến không có ý nghĩa thực tiễn (nếu có). Trong phân tích nhân tố, hệ số KMO trong kiểm định KMO và Bartlett's Test là một chỉ số dùng để xem xét sự thích hợp của phân tích nhân tố. Trị số KMO lớn (giữa 0,5 và 1) có nghĩa là phân tích nhân tố thích hợp (Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc, 2008).

Hệ số KMO đạt giá trị 0,825 lớn hơn 0,5 cho thấy phân tích nhân tố với 25 yếu tố còn lại (sau khi loại bỏ 10 yếu tố không có ý nghĩa thực tiễn) là thích hợp. Giá trị Sig. (.000) nghĩa là các biến có tương quan trong tổng thể.

Bảng 4: Kết quả kiểm định KMO và Bartlett's Test lần thứ 3

KMO and Bartlett's Test		
Kaiser-Meyer-Olkin Measure of Sampling Adequacy.		.825
Bartlett's Test of Sphericity	Approx. Chi-Square	1.618E3
	df	300
	Sig.	.000

Nguồn: kết quả phân tích số liệu điều tra thực tế năm 2013 bằng SPSS

Kết quả phân tích nhân tố khám phá lần thứ 3 nhóm 25 yếu tố còn lại thành 8 nhân tố có ý nghĩa hơn. Tổng phương sai trích (% Cumulative) đạt giá trị 63,469% cho biết phân tích nhân tố sẽ giải thích được 63,469% biến thiên của dữ liệu. Tất cả yếu tố còn lại (25 yếu tố) đều có hệ số tải nhân tố (factor loading) lớn hơn 0,5 nên tất cả các yếu tố này đều có ý nghĩa thực tiễn. Vì vậy, tất cả các yếu tố này sẽ được đưa vào mô hình hồi quy để xác định mối tương quan đến kết quả học tập theo sự tự đánh giá của HSSV. Các nhân tố mới được tổng hợp từ 25 yếu tố ban đầu được sắp xếp như sau: nhân tố thứ

nhất (F1_3) gồm: *gvgiaithich*, *gvgiupdo*, *gvphuongphap*, *gvday*, *gvdanhgia*, *kohapdan*, *Gvchuanbi*; nhân tố thứ hai (F2_3) gồm: *huongnghiep*, *hocbong*, *Hdit* và *lichhoc*; nhân tố thứ ba (F3_3) gồm: *thongtin*, *nganhhoc*, *ndmonhoc* và *tudanhgia*; nhân tố thứ tư (F4_3) gồm: *tailieu*, *thieuthietbi*, *chatluongtb* và *thongtinHT*; nhân tố thứ 5 (F5_3) gồm: *khoangcach* và *noio*; nhân tố thứ 6 (F6_3): *kothichhoc*; nhân tố thứ 7 (F7_3) gồm: *tuhoc* và *Hdngoai khoa*; nhân tố thứ 8 (F8_3): *quantamgd*.

Bảng 5: Kết quả phân tích nhân tố khám phá (EFA) lần thứ 3

Yếu tố	Nhân tố							
	1	2	3	4	5	6	7	8
gvgiaithich	.789							
gvgiupdo	.731							
gvphuongphap	.683		.305					
gvday	.671	.316						
gvdanhgia	.669							
kohapdan	.606							
Gvchuanbi	.533					.424		
huongnghiep		.738						
hocbong		.726			.307			
Hdit		.634						
lichhoc		.575						
thongtin			.776					
nganhhoc			.750					
ndmonhoc			.617					
tudanhgia			.584					
tailieu				.708				
thietbithieu	.314			.660				
chatluongtb				.604				
thongtinHT	.328	.320		.524				
khoangcach					.828			
noio					.816			
kothichhoc						.827		
tuhoc							.776	
Hdngoaikhoa							.633	
quantamgd								.874
Phương sai trích (% Cumulative)	63,469							

Nguồn: kết quả phân tích số liệu điều tra thực tế năm 2013 bằng SPSS

4.2.3 Kết quả mô hình hồi quy tuyến tính

Để đo lường mức độ tác động của các yếu tố được giả định gây khó khăn trong học tập tới kết quả học của HSSV năm nhất, đề tài sử dụng mô hình hồi quy tuyến tính bội có dạng tổng quát sau:

$$Y_t = \alpha + \beta_1 X_1 + \beta_2 X_2 + \dots + u_t$$

Trong đó:

Y_t : là biến phụ thuộc (kết quả học tập theo sự tự đánh giá của HSSV năm nhất)

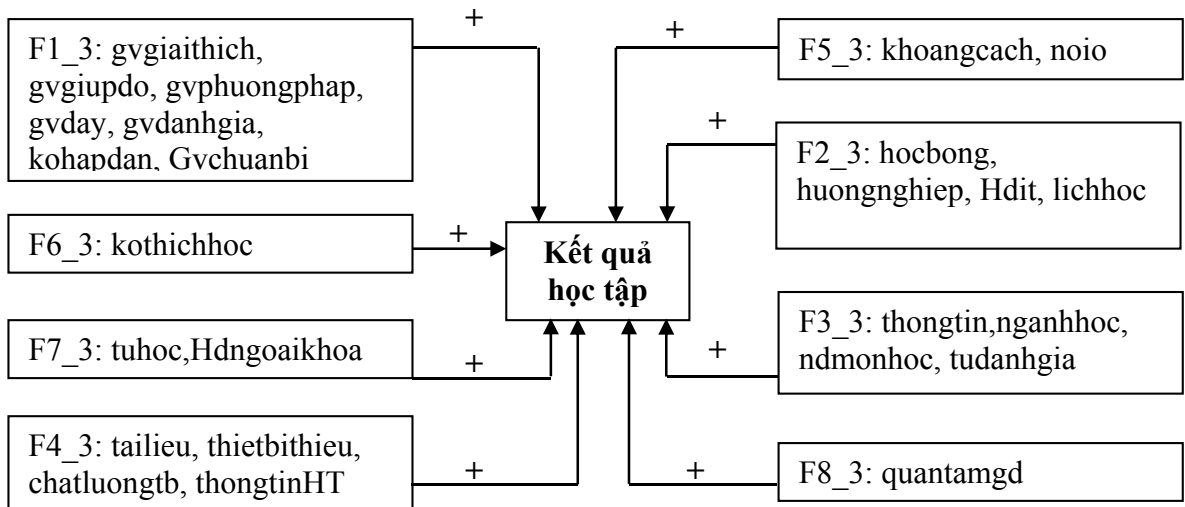
α : hệ số tự do (hằng số)

β_i : hệ số hồi quy

u_t : sai số của mô hình

X_i : nhân tố thứ i gây khó khăn trong học tập của HSSV năm nhất sau khi đã thực hiện EFA

Dấu kỳ vọng của các biến độc lập với kết quả học tập của HSSV là dấu cộng (+) vì thang đo của biến phụ thuộc được đặt tương ứng và cùng chiều với thang đo của các biến độc lập. Nghĩa là, mức độ đạt được về kiến thức càng thấp sẽ nhận giá trị càng lớn trên thang đo 5 mức độ để lượng hóa biến phụ thuộc, tương ứng với giá trị càng lớn của các yếu tố gây khó khăn trong học tập của HSSV năm nhất trong thang đo 5 mức độ để lượng hóa các biến độc lập.



Hình 1: Mô hình hồi quy hiệu chỉnh sau khi phân tích nhân tố khám phá (EFA)

Đề tài sử dụng mô hình hồi quy tuyến tính bội theo phương pháp Enter, các biến độc lập sẽ được đưa vào cùng lúc. Các biến độc lập là tập hợp 8 nhân tố được tìm ra khi sử dụng phương pháp phân tích nhân tố khám phá (EFA) lần thứ 3.

Kết quả kiểm định mô hình cho ra giá trị R bình phương điều chỉnh (Adjusted R Square) đạt 0.788 (78,8%) cho biết các nhân tố trong mô hình sẽ giải

thích được 78,8% sự biến thiên của kết quả học tập theo sự tự đánh giá của HSSV năm nhất. Giá trị $d - \text{Durbin} - \text{Watson}$ ($1,852$) $d_U < d < d_L$ ($1,857 < 4 - d_U$ ($2,148$)) nên không có hiện tượng tự tương quan giữa các nhân tố độc lập. Cả 8 nhân tố đưa vào mô hình đều không xảy ra hiện tượng đa cộng tuyến do tất cả các nhân tố đều có hệ số phóng đại phương sai $VIF < 10$ (Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc, 2008).

Bảng 6: Kết quả phân tích hồi quy tuyến tính

Mô hình	Unstandardized Coefficients		Standardized Coefficients	t	Sig.	Collinearity Statistics	
	B	Std. Error	Beta			Tolerance	VIF
(Constant)	.902	.257		3.511	.001		
F4_3	.255	.062	.272	4.127	.000	.721	1.386
F7_3	.196	.052	.217	3.796	.000	.960	1.042
F1_3	.223	.060	.243	3.721	.000	.735	1.361
F5_3	.104	.041	.147	2.551	.011	.940	1.064
Durbin - Watson		1.857					
Adjusted R Square		.788					

a. Biến phụ thuộc: Y

Nguồn: kết quả phân tích số liệu điều tra thực tế năm 2013 bằng SPSS

Các nhân tố được xác định gây khó khăn trong học tập của HSSV năm nhất bao gồm: F1_3, F4_3, F5_3 và F7_3. Trong đó, 3 nhân tố F1_3, F4_3 và F7_3 có mức ý nghĩa ở 1% và nhân tố F5_3 có mức ý nghĩa ở 5%. Bốn nhân tố F2_3, F3_3, F6_3 và F8_3 không có ý nghĩa thống kê. Hằng số α (constant) của mô hình là 0,902. Mô hình hồi quy được xây dựng như sau:

$$\text{Kết quả học tập} = 0,902 + 0,223 F1_3 + 0,255 F4_3 + 0,104 F5_3 + 0,196 F7_3 + u_t$$

Dấu kỳ vọng của các nhân tố được đưa vào mô hình đều là dấu cộng (+), phù hợp với giả thuyết ban đầu, nghĩa là, các nhân tố trong mô hình có gây khó khăn trong học tập của HSSV năm nhất. Kết quả nghiên cứu có sự tương đồng với kết quả của nhiều nghiên cứu trước đây (Fraser và Killen, 2003; Nguyễn Quốc Nghi và Lê Thị Diệu Hiền,

2011; Trương Thị Ngọc Diệp và ctv, 2012; Fiona Marais và Andile Mji, 2009; ...) và tương đối phù hợp với kinh nghiệm thực tế trong quá trình công tác của tác giả tại Trường và kinh nghiệm từ các đồng nghiệp và ý kiến của HSSV đang học tập tại Trường.

Nhân tố gây khó khăn nhiều nhất trong việc học tập của HSSV năm nhất là nhân tố F4_3, nhóm các yếu tố thuộc về cơ sở vật chất. Cụ thể, nếu kết quả học tập giảm xuống 1%, với điều kiện giữa nguyên các nhân tố khác, thì 0,255% sự giảm xuống này là do các yếu tố thuộc nhân tố F4_3 đã gây khó khăn cho HSSV năm nhất. Nguyên nhân là do Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng là trường mới được thành lập nên điều kiện về cơ sở vật chất vẫn còn thiếu thốn (thiếu thiết bị giảng dạy, thiết bị giảng dạy chất lượng chưa cao, tài liệu học tập còn ít,...), nhiều thông tin học tập đôi khi chưa được cung cấp đầy đủ (một số thông tin liên quan đến việc tham gia hoạt động phong trào,...).

Điều đáng lưu ý là hầu hết các yếu tố thuộc về nhân tố cán bộ, giảng viên được đưa vào mô hình lúc đầu đều có ý nghĩa thống kê và mức độ tác động tương đối cao đến kết quả học tập theo sự tự đánh giá của HSSV năm nhất (0,223). Hoạt động học tập ở môi trường cao đẳng, đại học đòi hỏi rất cao khả năng tự học của HSSV. Tuy nhiên, điều này không có nghĩa là phủ nhận vai trò của người cán bộ, giảng viên mà ngược lại vai trò của cán bộ, giảng viên lại càng quan trọng hơn do họ phải đảm nhận chức năng định hướng và hỗ trợ HSSV. Vì vậy, hiện trạng một số cán bộ, giảng viên còn yếu về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm và sự quan tâm, hỗ trợ HSSV sẽ gây khó khăn rất nhiều cho HSSV trong học tập, đặc biệt là HSSV năm nhất do các em vẫn chưa thích nghi được với phương pháp học tập mới.

Nhân tố thuộc về bản thân HSSV năm nhất là năng lực tự học và sự chủ động trong việc tham gia hoạt động phong trào là nhân tố thứ ba tác động đến kết quả học tập theo sự tự đánh giá của HSSV năm nhất. Ở bậc học cao hơn, hoạt động học tập diễn ra liên tục, khối lượng kiến thức nhiều và đòi hỏi tinh thần tự lực cao và HSSV phải có phương pháp học tập thích hợp để có thể cân bằng giữa việc học tập (với khối lượng kiến thức rất lớn) và việc vui chơi, giải trí (đôi khi cả việc đi làm thêm để trang trải chi phí). Bên cạnh đó, nhiều HSSV năm nhất tại Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng vẫn còn chưa chủ động và tích cực trong việc tham gia các phong trào và hoạt động ngoại khóa. Nguyên nhân có thể do tâm lý e ngại của các

em hoặc do nhiều điều kiện khách quan (không có thời gian, các hoạt động ngoại khóa không hấp dẫn, thời gian không phù hợp,...) là mất đi sự cân bằng trong học tập và vui chơi cũng như rèn luyện tính chủ động và tích cực của HSSV năm nhất.

Nhân tố cuối cùng gây khó khăn trong học tập của HSSV tại Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng là khoảng cách nhà xa và nơi ở. HSSV tại Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng chủ yếu là học sinh thuộc các địa phương trong Tỉnh. Nhiều HSSV có khoảng cách nhà xa nhưng do nhiều nguyên nhân đã không ở trọ mà sống chung với gia đình, do đó, nhiều em gặp khó khăn trong việc tham gia các phong trào, học tập và nhiều hoạt động khác. Ngược lại, nhiều HSSV năm nhất chọn việc ở trọ để thuận tiện cho việc đi lại nhưng lại gặp khó khăn do chỗ trọ không đảm bảo các điều kiện để sinh hoạt và học tập nên gây khó khăn rất lớn đến việc học tập.

5 KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho thấy có 4 nhân tố (được nhóm từ 15 yếu tố) gây khó khăn trong học tập của HSSV năm nhất là: nhân tố thuộc về cán bộ, giảng viên bao gồm 7 yếu tố; nhân tố cơ sở vật chất bao gồm 4 yếu tố; nhân tố khoảng cách, nơi ở bao gồm 2 yếu tố và nhân tố thuộc về bản thân HSSV bao gồm 2 yếu tố. Vì vậy, trong thời gian tới, nhà trường cần có những giải pháp tập trung vào việc đầu tư cơ sở vật chất, tổ chức các hoạt động ngoại khóa cho phù hợp với chương trình học tập chính khóa, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, giảng viên và tạo điều kiện về nơi ở cho HSSV ở xa để hạn chế những khó khăn trong học tập của HSSV năm nhất, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo. Bên cạnh đó, bản thân HSSV cũng cần phải tự tạo động lực học tập, tìm những phương pháp học tập phù hợp và chủ động tham gia cách hoạt động, phong trào để tích lũy các kỹ năng và nâng cao kết quả học tập.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bollen K.A. (1989). *Structural Equation with Latent Variables*, New York: John Wiley & Sons.
2. Đỗ Văn Phúc, Đoàn Hải Anh (2013). *Chất lượng đào tạo kinh tế, quản lý công nghiệp: phương pháp đánh giá và các nhân tố*. Tạp chí Kinh tế & Phát triển số 188 tháng 02/ 2013.
3. William J. Fraser và Roy Killen (2003). *Factors influencing academic success or failure of first-year and senior university student: do education students and lecturers*

- perceive things differently?*. South African Journal of Education vol 23.
4. Anderson G. và ctv. (1994). *The determinants of success in university introductory economics courses*. The journal of economic education. Vol 25, No 2 (spring, 1994) pp. 99 – 119.
 5. Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008). *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS*. Nxb. Hồng Đức, TP.HCM.
 6. Fiona Marais and Andile Mji (2009). *Factors contributing to poor performance of first year chemistry students*. Tshwane University of Technology, South Africa.
 7. Nguyễn Đức Chính (2008). *Đánh giá thực kết quả học tập trong giáo dục đại học và đào tạo nguồn nhân lực*. Đại học Quốc gia Hà Nội. VNH3. TB14.586.
 8. Nguyễn Quốc Nghi và Lê Thị Diệu Hiền (2011). *Xác định các nhân tố dẫn đến tình trạng học kém của sinh viên Trường Đại học Cần Thơ*. Tạp chí Khoa học - Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh số 03/2011..
 9. Nguyễn Thị Mai Trang và ctv. (2008). *Các yếu tố chính tác động vào kiến thức thu nhận của sinh viên khối ngành kinh tế tại TP. HCM*. Đề tài B2007-76-05, Bộ Giáo dục và Đào tạo. 2008.
 10. Trần Quốc Thành. *Tâm lý giáo dục học đại học*. Tài liệu bồi dưỡng giảng viên các trường đại học, cao đẳng. Đại học Sư phạm Hà Nội. 2011.
 11. Trương Thị Ngọc Diệp và ctv. (2012). *Thuận lợi và khó khăn trong học tập của sinh viên năm nhất tại trường Đại học Cần Thơ*. Tạp chí Khoa học-Đại học Cần Thơ số 21 năm 2012.
 12. Vũ Thị Nho. *Tâm lý phát triển*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.